TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen

2. Ông Trần Long Khánh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu E, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, TP. Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu E trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống rất hạnh phúc. Từ năm 2010 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn. Từ năm 2011, bà không còn chung sống với ông T cho đến nay. Nay bà cảm thấy không còn tình cảm với ông T và không thể nào quay về

đoàn tụ với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/8/1989 và Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 16/10/1997. Các con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng ông bà không tạo lập được tài sản và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà Trần Thị Thu E thông qua mai mối, chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2004. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông sinh sống tại nhà riêng ở thị trấn TL. Năm 2011 vợ ông bỏ đi cho đến nay, đến năm 2013 thì ông cũng đi làm xa. Căn nhà hiện nay đã hư hỏng nên không còn. Thỉnh thoảng vợ chồng ông có gặp nhau nhưng ông chào hỏi thì vợ ông không trả lời. Thời gian qua vì bận làm ăn nên vợ chồng ông cũng không tìm biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân, cũng không có thời gian quan tâm nhau. Tuy nhiên, ông cảm thấy còn tình nghĩa vợ chồng và mong muốn tình cảm với con cháu nguyên vẹn nên không đồng ý ly hôn với bà E. Về con chung, Ông và bà E có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/8/1989 và Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 16/10/1997. Các con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông bà không tạo lập được tài sản và không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu E đối với ông Nguyễn Thanh T. Buộc bà Trần Thị Thu E phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà E và ông T thống nhất xác định 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường; không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị Thu E và ông Nguyễn Thanh T có địa chỉ thường trú tại ấp TH A, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ

điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu E và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà E và ông T là tự nguyện và hợp pháp. Bà E xác định hiện nay vợ chồng bà không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau và đã không còn yêu thương nhau. Ông T xác định vẫn còn yêu thương bà E, ông cảm thấy còn tình nghĩa vợ chồng và mong muốn tình cảm với con cháu nguyên vẹn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên thời gian ly thân đã lâu, cả hai không tìm được biện pháp hàn gắn, vun đắp lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà E kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết ly hôn và không đồng ý quay về đoàn tụ với ông T vì cho rằng không còn tình cảm với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống hôn nhân giữa bà E và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu E đối với ông Nguyễn Thanh T.

[3] Về con chung: bà Trần Thị Thu E và ông Nguyễn Thanh T đều thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/8/1989 và Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 16/10/1997. Các cháu đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thu E và ông Nguyễn Thanh T thống nhất xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thu E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu E đối với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Các con của ông T và bà E đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà E không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà E đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005844 ngày 23/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- TAND TP Cần Thơ**;**
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm